

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2025/HSPT
Ngày 26 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Thảo

Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký viên.

- **Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự do Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý số 634/2025/TLPT-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn K, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- **Bị cáo có kháng cáo:** Nguyễn Văn K, sinh năm 1957 tại huyện V, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là: thôn P, xã C, tỉnh Hưng Yên); giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông Nguyễn Văn P và bà Đặng Thị L (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H (tên gọi khác: D) và 06 con (con lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2004 và năm 2007 bị Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” và “Gây rối trật tự công cộng”; biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú; tại ngoại (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đặng Văn C và bà Trần Thị Thanh L1, đều là Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (ông C có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T có mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Hoàng Tuấn C1, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A phố H, Phường N, Quận H thành phố Hà Nội (nay là: Số A phố H, Phường H thành phố Hà Nội).

2. Anh Tô Thế T1, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là: thôn V, xã T, tỉnh Phú Thọ).

3. Anh Nguyễn Công A, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn X, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội (nay là: thôn X, xã Y, thành phố Hà Nội).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn K là Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T3 (doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bến thủy nội địa, có trụ sở tại: thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nay là: thôn P, xã C, tỉnh Hưng Yên). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900680598 ngày 05/5/2011 và đăng ký kê khai thuế tại Chi cục Thuế khu vực V - K. Từ năm 2023 đến tháng 4/2024, Nguyễn Văn K đã thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến trốn thuế và mua bán trái phép hóa đơn cụ thể như sau:

Thông qua các mối quan hệ xã hội, K quen biết và mua cát trôi nổi (không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp) từ hai cá nhân: Mua của Tô Thế T1 35.000m³ cát đen san lấp và 500m³ cát vàng trong năm 2023; mua của Hoàng Tuấn C1 20.000m³ cát đen san lấp trong năm 2024.

Để hợp thức hóa số cát này, K thỏa thuận với T1 và C1 mua hóa đơn thuế giá trị gia tăng từ các công ty không có hoạt động thực tế. Theo đó: Kỷ trả cho T1 7,76% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn; Kỷ trả cho C1 11,2% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. T1 và C1 sau đó chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của K bằng số tiền ghi trên hóa đơn; K nộp số tiền này cùng khoản tiền thỏa thuận vào tài khoản của Công ty T3, rồi chuyển toàn bộ sang tài khoản các công ty xuất hóa đơn; T1 và C1 nhận lại số tiền đã bỏ ra cùng khoản lợi nhuận từ K.

a) Chi tiết các hóa đơn bất hợp pháp:

Năm 2023: Kỷ mua 08 hóa đơn thuế giá trị gia tăng từ Trường, tổng giá trị hàng hóa là 3.290.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 329.000.000 đồng, tổng tiền thanh toán là 3.619.000.000 đồng và sử dụng 08 hóa đơn này để kê khai thuế năm 2023 cho Công ty T3, bao gồm:

- 04 hóa đơn từ Công ty TNHH N (Hà Nội) để hợp thức hóa 20.000m³ cát đen, tổng tiền thanh toán là 1.980.000.000 đồng.

- 04 hóa đơn từ Công ty TNHH V1 (Vĩnh Phúc) để hợp thức hóa 15.000m³ cát đen và 500m³ cát vàng, tổng tiền thanh toán là 1.639.000.000 đồng.

Năm 2024: Kỷ mua 04 hóa đơn thuế giá trị gia tăng từ C1, tổng giá trị hàng hóa là 1.950.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 195.000.000 đồng, tổng tiền thanh toán là 2.145.000.000 đồng, bao gồm:

- 02 hóa đơn từ Công ty TNHH T4 (Bắc Giang) để hợp thức hóa 10.000m³ cát, tổng tiền thanh toán là 1.045.000.000 đồng và sử dụng để kê khai thuế quý I/2024.

- 02 hóa đơn từ Công ty Đ (Hà Nội) để hợp thức hóa 10.000m³ cát, tổng tiền thanh toán là 1.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, không được sử dụng do rủi ro thuế cao.

b) Hậu quả:

Kỷ sử dụng 10 hóa đơn bất hợp pháp (từ Công ty N, C và Đ) để kê khai, báo cáo thuế, nhằm hợp thức hóa 35.000m³ cát đen và 500m³ cát vàng, dẫn đến hành vi trốn thuế tổng cộng 490.758.000 đồng, bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng: 424.000.000 đồng (180.000.000 đồng từ N1, 244.000.000 đồng từ C và Đ).

- Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023: 66.758.000 đồng.

Hành vi mua bán 12 hóa đơn thuế giá trị gia tăng từ 4 công ty không rõ ràng đã vi phạm quy định về quản lý hóa đơn.

c) Kết quả điều tra và giám định:

3.1 Giám định chữ ký: Các hợp đồng liên quan mang dấu tròn và chữ ký của Nguyễn Văn K đều do chính K thực hiện (theo các Kết luận giám định số 202 ngày 20/6/2024 và số 395 ngày 28/11/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh H).

3.2 Giám định thuế (Theo các Kết luận số 2553 ngày 21/6/2024 và số 4760 ngày 05/11/2024 của Cục Thuế tỉnh H):

- Hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp của Công ty T4 dẫn đến trốn thuế giá trị gia tăng là 244.000.000 đồng.

- Hành vi sử dụng hóa đơn của Công ty N làm giảm thuế giá trị gia tăng phải nộp 180.000.000 đồng, phát sinh thêm thuế thu nhập doanh nghiệp 66.758.000 đồng.

Hai hóa đơn của Công ty Đ không gây thiệt hại do chưa được sử dụng trong kê khai thuế.

d) Các doanh nghiệp xuất hóa đơn:

Cơ quan điều tra xác minh 4 công ty (Nam Tùng G, C, Đ, VTLand) không hoạt động tại địa chỉ đăng ký; người đại diện pháp luật phủ nhận liên quan, không có giao dịch thực tế với Công ty T3. Do đó, không thu giữ được tài liệu, con dấu để xác định thiệt hại cụ thể từ hoạt động của các công ty này. Kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra đã có Công văn đề nghị các Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Cơ quan quản lý thuế tại các tỉnh nơi các doanh nghiệp đặt trụ sở để xem xét xử lý theo thẩm quyền.

đ) Các đối tượng liên quan:

- Tô Thế T1: Mua cát trôi nổi và mua 08 hóa đơn từ một người tên T2 (không rõ danh tính) với giá 7,7% giá trị hóa đơn rồi bán lại cho K, thu lợi 8.000.000 đồng. T1 thuê Nguyễn Công A chuyển tiền để hợp thức giao dịch.

- Hoàng Tuấn C1: Mua cát trôi nổi và mua 04 hóa đơn từ một người tên T (không rõ danh tính) với giá 10,6% giá trị hóa đơn rồi bán lại cho K với giá 11,2%, thu lợi 10.999.999 đồng. C1 tự chuyển tiền cá nhân để hợp thức hóa.

Cả T1 và C1 đều khai không biết K sử dụng hóa đơn để trốn thuế. Hai người đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính (19.500.000 đồng) và bị xử lý hành chính do hành vi chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

- T2 và T: Là những người cung cấp hóa đơn cho T1 và C1, nhưng chưa xác minh được danh tính, không đủ căn cứ xử lý.

- Nguyễn Công A: Được thuê chuyển tiền, không biết về việc mua bán hóa đơn, nên không bị xử lý.

- Nguyễn Thị H (vợ K) và Đỗ Thị K1 (kế toán): Làm theo chỉ đạo của K, không biết nguồn gốc cát và hóa đơn bất hợp pháp nên không bị xem xét trách nhiệm.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Trốn thuế” và “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 200; khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 (đối với tội Mua bán trái phép hóa đơn) và Điều 38 (đối với tội Trốn thuế) của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” sung vào ngân sách Nhà nước.

- Phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Văn K đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm; phổ biến về quyền kháng cáo theo quy định.

3. Kháng cáo: Ngày 14/3/2025, bị cáo Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung cho rằng bị cáo bị kết án oan.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

4.1. Bị cáo Nguyễn Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bị cáo bị bệnh, không đủ sức khỏe để tham gia phiên tòa; đồng thời bị cáo trình bày ý kiến: Trước đây bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng nay bị cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo là xin giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

4.2. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả từng hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời đã xem xét bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó, đã quyết định xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trốn thuế”, 60.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” và phạt bổ sung cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù là có căn cứ pháp luật. Bị cáo ban đầu kháng cáo kêu oan, nay xin thay đổi kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ hoặc lý do nào mới nên kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

4.3. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K là Luật sư Trần Thị Thanh L1 phát biểu ý kiến:

Bị cáo được xác định đã phạm vào 02 tội nhưng đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, đã nộp toàn bộ số tiền thuế được xác định có sai phạm, có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì và bị cáo hiện đang điều trị bệnh ung thư phổi giai đoạn 3 tại Bệnh viện K3. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo K kháng cáo kêu oan nhưng nay bị cáo thay đổi kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo cho thấy bị cáo đã thành khẩn và ăn năn, hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt đối với cả 02 tội và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do cho rằng bị cáo bị kết án oan. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo đã giao nộp cho Hội đồng xét xử đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bị cáo bị bệnh, không đủ sức khỏe để tham gia phiên tòa, đồng thời bị cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo là xin giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về việc bị cáo xin xét xử vắng mặt: Xét lý do bị cáo nêu trong đơn là phù hợp với chứng cứ là bản “Tóm tắt bệnh án” do bị cáo đã giao nộp tại phiên tòa mở ngày 11/6/2025 thể hiện bị cáo đang điều trị tại Bệnh viện K với chuẩn đoán “Ung thư phế quản thùy trên phổi phải giai đoạn III_B”. Căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Văn K.

[2] Xét lý do thay đổi kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K thì thấy:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm; các vật chứng đã thu giữ; các bản Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm vào tội “Trốn thuế” thuộc trường hợp “Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Hình sự và tội “Mua bán trái phép hóa đơn” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn K kháng cáo cho rằng bản thân bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án oan là không có cơ sở, không phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án. Tuy nhiên, xem xét nội dung đơn xin xét xử vắng mặt của bị cáo do người bào chữa cho bị cáo giao nộp tại phiên tòa thì thấy bị cáo đã xác định việc bị cáo kháng cáo kêu oan trước đây là do nhận thức về pháp luật chưa đầy đủ nên nay bị cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo là phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xem xét nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời, đã xác định bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nhưng có nhân thân thân xấu (năm 2004 và 2007 bị Công an huyện K xử phạt hành chính); được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do quá trình điều tra bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả, bố để bị cáo được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, bị cáo xuất trình bệnh án đang điều trị bệnh ung thư phổi giai đoạn 3 tại Bệnh viện K3. Trên cơ sở đó, đã cân nhắc và quyết định xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trốn thuế”, 60.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, đồng thời phạt bổ sung cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù là có căn cứ.

Tuy nhiên, như lý do bị cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo nêu ở trên đã thể hiện trước khi xét xử phúc thẩm thì bị cáo đã có sự thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở chấp nhận nhưng xem xét mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất của vụ án nên kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy vậy, với tình tiết giảm nhẹ mới của bị cáo, kết hợp với những tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, đặc điểm nhân thân và tình trạng sức khỏe của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) để cho bị cáo được hưởng án treo đối với tội “Trốn thuế” là phù hợp, vừa thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật; vừa bảo đảm tính nghiêm minh đối với người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn K.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 200; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trốn thuế” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 26 tháng 8 năm 2025).

Giao bị cáo Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Văn K phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1.2. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 203; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” sung vào ngân sách Nhà nước.

Phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Văn K đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn K không phải chịu.

3. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26 tháng 8 năm 2025).

Nơi nhận:

- Vụ 1 Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Châu Ninh, tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền